ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÁI NƯỚC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 130 /KH-UBND	*Cái Nước, ngày 24 tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế tập thể và nhu cầu liên kết sản xuất giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Cái Nước

Thực hiện Công văn số 8845/SNNMT-KTHT ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc hướng dẫn rà soát, bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế tập thể và nhu cầu liên kết sản xuất giai đoạn 2026-2030. Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể và nhu cầu liên kết sản xuất giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Cái Nước với các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN (Số liệu tính đến tháng 8/2026)

1. Kết quả phát triển kinh tế tập thể

Trong thời gian qua, kinh tế tập thể trên địa bàn xã tiếp tục được quan tâm củng cố, kiện toàn và từng bước phát huy vai trò trong phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là lĩnh vực Nông nghiệp.

Xã Cái Nước có 10 hợp tác xã với 118 thành viên *(trong đó: có 06 HTX đang hoạt động với 63 thành viên; 01 HTX tạm ngưng hoạt động với 12 thành viên và 03 HTX với 43 thành viên đã làm hồ sơ giải thể)*. Về chất lượng hoạt động: có 01 HTX hoạt động tốt, 01 hợp tác xã hoạt động khá và 04 hợp tác xã hoạt động trung bình.

Ngoài ra, trên địa bàn xã có 43 tổ hợp tác với 423 tổ viên đang hoạt động trên các lĩnh vực nuôi tôm, cua, sản xuất nông nghiệp và dịch vụ, góp phần hỗ trợ người dân liên kết sản xuất, chia sẻ kinh nghiệm, giảm chi phí đầu vào và nâng cao hiệu quả sản xuất.

2. Kết quả liên kết sản xuất

Việc tổ chức liên kết giữa hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ dân với doanh nghiệp từng bước được quan tâm. Một số hợp tác xã đã tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm thủy sản, bước đầu hình thành vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu.

Các mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến, nuôi tôm siêu thâm canh và các mô hình sản xuất theo hướng an toàn sinh học tiếp tục được duy trì, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và tăng thu nhập cho người dân. Việc phát triển liên kết sản xuất phù hợp với định hướng của tỉnh về phát triển ngành hàng tôm, cua gắn với kinh tế tập thể và chuỗi giá trị. Tuy nhiên, số lượng chuỗi liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp còn ít; quy mô vùng nguyên liệu còn phân tán; việc ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm chưa nhiều và chưa thật sự bền vững.

3. Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Các Hợp tác xã từng bước quan tâm ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; sử dụng các nền tảng số để quảng bá sản phẩm, kết nối tiêu thụ và giới thiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương.

Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn hướng dẫn hợp tác xã sử dụng nhật ký điện tử, phần mềm kế toán, truy xuất nguồn gốc, thanh toán không dùng tiền mặt và thương mại điện tử; đồng thời hỗ trợ các hợp tác xã tiếp cận các chương trình khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và chuyển đổi số trong sản xuất. Đây cũng là một trong những định hướng trọng tâm của tỉnh đối với phát triển kinh tế tập thể gắn với các ngành hàng chủ lực.

4. Đánh giá chung

Nhìn chung, khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn xã đã có bước phát triển tích cực; nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò của Hợp tác xã từng bước được nâng lên. Một số Hợp tác xã đã chủ động đổi mới phương thức hoạt động, mở rộng liên kết sản xuất, từng bước tham gia chuỗi giá trị và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

Tuy nhiên, quy mô hoạt động của phần lớn Hợp tác xã còn nhỏ; năng lực quản trị chưa đồng đều; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; khả năng huy động vốn thấp; liên kết với doanh nghiệp chưa bền vững; việc xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng, chứng nhận vùng nguyên liệu và chuyển đổi số còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Mặc dù khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn xã đã có những chuyển biến tích cực, từng bước phát huy vai trò trong tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm và nâng cao thu nhập cho thành viên, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

1. Nhận thức của cán bộ và Nhân dân về hợp tác xã kiểu mới

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân về bản chất, vai trò và lợi ích của Hợp tác xã kiểu mới theo Luật Hợp tác xã năm 2023 tuy đã được nâng lên nhưng chưa thật sự đầy đủ và thống nhất. Một số hộ dân vẫn còn tâm lý sản xuất riêng lẻ, chưa mạnh dạn tham gia Hợp tác xã hoặc liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; việc xem Hợp tác xã là tổ chức kinh tế do thành viên làm chủ, hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi chưa được nhận thức đầy đủ. Công tác tuyên truyền, vận động ở một số nơi chưa thường xuyên, chưa tạo được sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

2. Năng lực quản trị của cán bộ hợp tác xã và tình trạng thiếu lao động trẻ

Đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã phần lớn hoạt động kiêm nhiệm, trình độ quản trị, điều hành, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, quản trị tài chính, tiếp cận thị trường và ứng dụng chuyển đổi số còn hạn chế. Việc lập kế

hoạch sản xuất gắn với nhu cầu thị trường và xây dựng chuỗi liên kết còn thiếu tính chủ động.

Bên cạnh đó, nhiều hợp tác xã gặp khó khăn trong việc thu hút lao động trẻ có trình độ chuyên môn về nông nghiệp, kinh tế, công nghệ thông tin và quản trị tham gia làm việc. Lao động trẻ có xu hướng làm việc tại doanh nghiệp hoặc ngoài địa phương do thu nhập và cơ hội phát triển nghề nghiệp cao hơn, dẫn đến thiếu nguồn nhân lực kế cận cho khu vực kinh tế tập thể.

3. Khó khăn trong huy động vốn góp và xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi

Khả năng huy động vốn góp của thành viên còn hạn chế do điều kiện kinh tế của nhiều hộ còn khó khăn, quy mô sản xuất nhỏ và hiệu quả hoạt động của một số hợp tác xã chưa thật sự tạo được niềm tin để thành viên mạnh dạn góp vốn mở rộng sản xuất.

Việc xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh ở một số hợp tác xã còn mang tính ngắn hạn, chưa bám sát nhu cầu thị trường và lợi thế của địa phương; công tác dự báo thị trường, xây dựng vùng nguyên liệu, phát triển chuỗi liên kết với doanh nghiệp còn hạn chế. Khả năng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước còn gặp nhiều khó khăn do thiếu phương án sản xuất, kinh doanh khả thi và năng lực quản trị tài chính chưa đáp ứng yêu cầu.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HTX VÀ NHU CẦU LIÊN KẾT SẢN XUẤT GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Định hướng chung về phát triển KTHT và nhu cầu liên kết sản xuất giai đoạn 2026-2030

- Phát triển kinh tế hợp tác (KTHT) theo hướng hiệu quả, bền vững, gắn với nhu cầu thị trường và chuỗi giá trị. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của HTX; khuyến khích liên kết giữa HTX – nông dân – doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao năng lực quản trị và chất lượng sản phẩm. Đáp ứng nhu cầu liên kết sản xuất, nhất là liên kết vùng nguyên liệu, tiêu thụ ổn định và nâng cao giá trị nông sản.

2. Mục tiêu tổng quát

Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của các HTX, tăng cường liên kết giữa HTX, thành viên, nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, thu nhập và đời sống của thành viên.

3. Mục tiêu cụ thể

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; từng bước xây dựng HTX hoạt động ổn định, tự chủ và bền vững. Tăng cường liên kết sản xuất

– tiêu thụ giữa HTX, thành viên, nông dân và doanh nghiệp; hình thành các chuỗi giá trị phù hợp với lợi thế địa phương.

- Nâng cao năng lực quản trị, điều hành và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh cho đội ngũ cán bộ HTX. Khuyến khích HTX ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng, năng suất và giá trị sản phẩm.

- Tăng khả năng huy động vốn, mở rộng quy mô sản xuất, thu hút nguồn lực đầu tư và nâng cao khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng và thu hút lao động trẻ, nhân lực có chuyên môn tham gia quản lý và hoạt động HTX. Phấn đấu nâng cao thu nhập, việc làm và lợi ích kinh tế của thành viên, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương

4. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

4.1. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức triển khai kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể và Luật Hợp tác xã năm 2023. Rà soát nhu cầu hỗ trợ của các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn; hướng dẫn các hợp tác xã tiếp cận các chính sách hỗ trợ về đào tạo, tín dụng, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và xúc tiến thương mại. Đồng thời, thường xuyên theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

4.2. Hỗ trợ tiếp cận vốn và nâng cao năng lực tài chính

Hướng dẫn các hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi để tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi và các chương trình hỗ trợ của Nhà nước. Khuyến khích huy động vốn góp của thành viên, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hiện có; ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất các ngành hàng chủ lực của địa phương như tôm, cua và các sản phẩm OCOP.

4.3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể

Đẩy mạnh tuyên truyền để cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu đúng bản chất, vai trò của hợp tác xã kiểu mới; vận động các hộ sản xuất tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động phát triển kinh tế tập thể.

4.4. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị hợp tác xã

Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các cơ quan chuyên môn tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã về quản trị, kế toán, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số và kỹ năng liên kết thị trường. Khuyến khích lực lượng trẻ tham gia quản lý, điều hành hợp tác xã; tạo điều kiện để cán bộ hợp tác xã tham gia các lớp tập huấn, học tập kinh nghiệm.

4.5. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hợp tác xã

Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các hợp tác xã hoạt động đúng quy định của pháp luật; rà soát, củng cố các hợp tác xã hoạt động yếu, hỗ trợ giải quyết khó khăn trong quá trình hoạt động. Đưa chỉ tiêu phát triển kinh tế tập thể vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương; tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền đối với phát triển kinh tế tập thể.

4.6. Ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số

Khuyến khích các hợp tác xã áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong nuôi tôm quảng canh cải tiến, nuôi tôm siêu thâm canh, nuôi cua kết hợp và các mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu. Hỗ trợ hợp tác xã áp dụng nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc, phần mềm kế toán, quảng bá sản phẩm trên nền tảng số và thương mại điện tử.

4.7. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại

Tăng cường kết nối giữa hợp tác xã với doanh nghiệp thu mua, chế biến thủy sản nhằm hình thành và mở rộng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định. Hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng thương hiệu, bao bì, nhãn hiệu, phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ kết nối cho các chủ thể OCOP tham gia hội chợ, hội nghị kết nối cung - cầu và các hoạt động xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường tiêu thụ.

4.8. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và các cơ quan đơn vị có liên quan trong tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia Hợp tác xã, Tổ hợp tác; phối hợp giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; tạo sự đồng thuận trong phát triển các mô hình liên kết sản xuất.

4.9. Tăng cường hợp tác, liên kết trong và ngoài tỉnh

Chủ động phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ thủy sản và các tổ chức hỗ trợ phát triển hợp tác xã để tiếp nhận các chương trình đào tạo, chuyển giao khoa học kỹ thuật, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

4.10. Nhân rộng mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả

Lựa chọn các hợp tác xã hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản để tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm; nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất gắn với doanh nghiệp và chuỗi giá trị. Khuyến khích các hợp tác xã đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển thành viên và mở rộng quy mô sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn xã.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục I)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn xã được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định; nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới; nguồn vốn hỗ trợ, tín dụng ưu đãi; vốn đóng góp của thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Tổng kinh phí thực hiện: 875.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 300.000.000 đồng.

+ Ngân sách tỉnh: 575.000.000 đồng.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục II)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; khuyến khích phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tham gia giám sát, phản biện xã hội và phối hợp triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn.

2. Phòng Kinh tế

Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể và nhu cầu liên kết sản xuất giai đoạn 2026-2030; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các hợp tác xã, tổ hợp tác thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các cơ quan chuyên môn và các đơn vị có liên quan hỗ trợ các Hợp tác xã, Tổ hợp tác tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước; xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh; phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số.

Tham mưu tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản trị hợp tác xã; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm; hướng dẫn các hợp tác xã thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch với Sở Nông nghiệp và Môi trường; đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể; hỗ trợ quảng bá sản phẩm, phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu và giới thiệu sản phẩm của các hợp tác xã trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng số.

4. Trưởng các ấp

Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã; phối hợp rà soát nhu cầu liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn; thường xuyên nắm tình hình hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã, kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc về Ủy ban nhân dân xã để xem xét, giải quyết.

5. Các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn xã

Chủ động đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao năng lực quản trị; xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả; tăng cường liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tích cực ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và tham gia các chương trình hỗ trợ của Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và thu nhập cho thành viên

Ủy ban nhân dân xã kính chuyển Phát triển kinh tế tập thể và nhu cầu liên kết sản xuất giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Cái Nước đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở NN&MT tỉnh, (b/c);
- TT. Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN và các tổ thành viên;
- LĐVP;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Trung tâm Công ích;
- Trưởng các ấp;
- Lưu: VT. (CV Cuộc).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ CÁI NƯỚC T. CÀ MAU

Nghiêm Thanh Miền